TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 02/4/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Anh Đ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Thoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiển;

2. Ông Đoàn Minh Hải.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2024/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXX - ST ngày 19 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐ - HPT ngày 18/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 19xx; Nơi L ký HKTT: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình. Nơi ở hiện nay: Căn hộ số X chung cư Y, số 105 đường C, phường K, quận H, Thành phố Hà Nội

- Bị đơn: Anh **Hoàng Anh Đ**, sinh năm 1989; Nơi L ký thường trú: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị D có đơn xin xử vắng mặt; anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 10 năm 2024, bản tự khai đề ngày 26 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có L ký kết hôn vào ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống và làm ăn tại Hà Nội. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu tháng 10 năm 2022 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn quan tâm và chia sẻ với nhau về những khó khăn trong cuộc sống. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 3/2024 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Đ nữa, gia đình không còn hạnh phúc, nếu cứ tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng sẽ làm cho không khí gia đình ngày càng căng thẳng, ảnh hưởng đến cuộc sống của nhau, của con và gia đình nội ngoại hai bên. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là: Hoàng Minh L, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2021. Hiện nay con L đang sống cùng với chị tại Căn hộ ở thành phố Hà Nội. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con L. Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu anh Đ phải góp cấp dưỡng tiền nuôi con L cho chị với mức là 3.000.000 đồng/tháng. Tại bản tự khai, chị thay đổi không yêu cầu anh Đ phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Chị cũng cung cấp Sao kê tài khoản chứng minh thu nhập của chị khoảng 10 triệu đồng/tháng.

Về quan hệ tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung của vợ chồng anh chị không có nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Hoàng Anh Đ không đến Tòa án để trình bày, mặc dù anh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và triệu tập, báo gọi nhiều lần.

3. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng và Biên bản làm việc vào ngày 26 tháng 12 năm 2024, bà Trần Thị Ng là mẹ đẻ của anh Hoàng Anh Đ trình bày:

Hiện nay anh Đ vẫn cư trú tại xã N và không có đăng ký tạm trú tại địa chỉ nào khác; tuy nhiên do tính chất công việc, anh Đ làm quản lý chuỗi nhà hàng ở nhiều tỉnh, thành phố nên anh Đ thường xuyên phải đi làm ăn xa, thi thoảng mới về nhà. Hiện nay anh Đ đang chuẩn bị khai trương nhà hàng ở Đà Lạt. Anh Đ đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và biết được việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn của anh chị nhưng do công việc bận mải nên anh Đ không thể về Tòa án được.

Về quan hệ hôn nhân, bà cũng trình bày quan điểm của anh Đ là tùy chị D giải quyết ly hôn, anh không thiết tha việc đoàn tụ vì anh đi làm ăn xa bản thân chị D cũng không ủng hộ và đồng ý với anh về công việc làm ăn của anh, nếu bản thân chị D kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng kệ chị D giải quyết. Từ lâu nay, anh

chị không còn liên lạc với nhau nữa. Về thời gian, điều kiện kết hôn trước đây của anh chị cũng giống như chị D đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh và chị D chung sống bình thường; khoảng một năm nay thì anh chị mới nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp. Nay chị D có đơn xin ly hôn anh Đ, quan điểm của bà việc ly hôn của anh chị do anh chị tự quyết định.

Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung là: Hoàng Minh L, sinh ngày 12 tháng 01 năm 20xx. Hiện nay con L đang sống cùng với chị D và gia đình bên ngoại. Quan điểm của bà vì con L còn nhỏ nên giao con cho chị D nuôi là hợp lý, việc cấp dưỡng nuôi con anh Đ cũng không có ý kiến gì; vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về quan hệ tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có đóng góp gì cho gia đình bà. Nợ chung của vợ chồng anh chị không có.

Về việc giao nhận văn bản tố tụng cho bị đơn: Các văn bản Tòa án gửi cho anh Đ thì bà là người trực tiếp nhận và thông báo cho anh Đ biết. Bà đề nghị Tòa án tiếp tục gửi văn bản tố tụng cho anh Đ qua dịch vụ bưu chính cho bà, bà cam đoan sẽ nhận giúp anh Đ và bà sẽ thông báo hoặc giao lại ngay cho anh Đ sau mỗi lần nhận được văn bản tố tụng của Tòa án.

4. Biên bản xác minh ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V thể hiện: Chị D và anh Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 05 tháng 7 năm 20xx. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống và làm ăn tại Hà Nội; vì vậy quá trình chung sống và mâu thuẫn của anh chị thì địa phương không nắm được. Qua tìm hiểu tại gia đình anh Đ thì địa phương được biết hiện tại anh chị đã sống ly thân. Chị D hiện vẫn làm ăn, sinh sống tại Hà Nội; còn anh Đ làm đầu bếp nhà hàng Hàn Quốc ở nhiều tỉnh như Hà Nội, Sài Gòn, Bắc Giang. Anh Đ thi thoảng vẫn về địa phương sống cùng với mẹ đẻ anh Đ. Lần gần đây nhất anh Đ về nhà ở mấy tháng để chăm sóc cho mẹ đẻ anh Đ (khoảng tháng 9-11/2024). Nay chị D có đơn xin ly hôn anh Đ, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Hoàng Minh L, sinh ngày 12 tháng 01 năm 20xx. Hiện nay con L đang sống cùng với chị D và mẹ đẻ chị D. Ly hôn, anh chị có nguyện vọng như thế nào thì Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của anh chị để giải quyết.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung đối với đoàn thể, tổ chức xã hội nào tại địa phương.

Về nơi cư trú của anh Đ: Anh Đ có L ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã N, huyện V. Hiện nay anh Đ vẫn sinh sống ở địa phương cùng mẹ đẻ anh Đ. Ngoài nơi đăng ký HKTT, anh Đ không có địa chỉ tạm trú nào khác.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm***:

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Hoàng Anh Đ; Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Minh L, sinh ngày 12 tháng 01 năm 20xx. Ghi nhận việc chị D không yêu cầu anh Đ phải góp cấp dưỡng nuôi con L.

Về tài sản: Do chị D không có yêu cầu, anh Đ chưa có quan điểm trình bày nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị D khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Hoàng Anh Đ có đăng ký thường trú tại Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là *" Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

[1.2] Chị Nguyễn Thị D có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; anh Hoàng Anh Đ vắng mặt 02 lần không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

2.Về nội D:

[**2.1**] **Quan hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Anh Đ đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 05 tháng 7 năm 20xx là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp; bất đồng về quan điểm sống nên anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống ly thân, mỗi người một nơi. Mẹ đẻ anh Đ cũng trình bày anh chị phát sinh mâu thuẫn và hiện đã sống ly thân với nhau, anh Đ không xin đoàn tụ và để mặc chị D tự giải quyết ly hôn. Qua xác minh tại địa phương, UBND xã D cũng cung cấp hiện anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi. Như vậy cả hai anh chị cũng không còn mong muốn, không có nguyện vọng xây dựng cuộc hôn nhân này. Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị D và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào

khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Hoàng Anh Đ.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Anh Đ có 01 con chung là Hoàng Minh L, sinh ngày 12 tháng 01 năm 20xx. Hiện nay con L đang ở với chị D, do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đ đi làm ăn xa, nay đây mai đó. Chị D có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con L; anh Đ không đến Tòa án để trình bày nguyện vọng; mẹ đẻ anh Đ trình bày quan điểm do con L còn nhỏ nên giao con L cho chị D nuôi dưỡng là hợp lý. Về điều kiện nuôi con của chị D: Chị D hiện nay có công việc và thu nhập ổn định. Về nơi ở, chị D và con L đang sinh sống ổn định tại Căn hộ ở thành phố Hà Nội. Ngoài ra, chị D còn có mẹ đẻ chị D hỗ trợ chị D trong việc chăm sóc, trông nom, nuôi dạy con L. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định và điều kiện cho con L được chăm sóc tốt nhất, cần giao con Hoàng Minh L cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị D không yêu cầu anh Đ phải góp cấp dưỡng nuôi con L cho chị.

[**2.3**] **Về tài sản**: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Anh Đ không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[**2.4**] **Về án phí**: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Hoàng Anh Đ.

2. **Về quan hệ con chung:** Xử giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Minh L, sinh ngày 12 tháng 01 năm 20xx. Ghi nhận việc chị D không yêu cầu anh Đ phải góp cấp dưỡng nuôi con L. Anh Hoàng Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Anh Hoàng Anh Đ và chị Nguyễn Thị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3.**Về quan hệ tài sản:** Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số

0001xxx ngày 06 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- UBND xã Dũng Nghĩa, huyện Vũ Thư;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)